

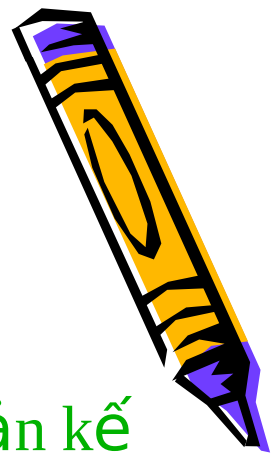


# **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

*Th.S Đặng Thị Quỳnh Liên*



# NỘI DUNG HỌC PHẦN

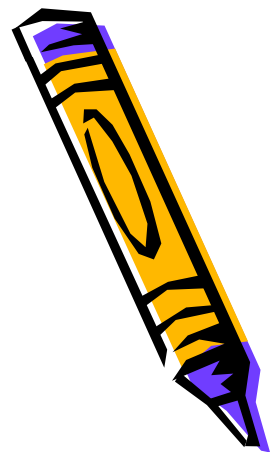


- Chương I: Bản chất hạch toán kế toán
- Chương II: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của hạch toán kế toán
- Chương III: Phương pháp chứng từ
- Chương IV: Phương pháp tính giá
- Chương V: Phương pháp đối ứng tài khoản
- Chương VI: Tài khoản kế toán
- Chương VII: Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán
- Chương VIII: Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu
- Chương IX: Sổ kế toán



# TÀI LIỆU HỌC TẬP

- *Giáo trình Nguyên lý kế toán*  
– TS Phạm Quý Liên - Đại học  
Kinh tế quốc dân Hà Nội,  
2009

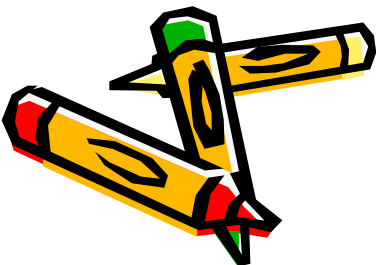


# CHƯƠNG I

## BẢN CHẤT HẠCH TOÁN KẾ TOÁN



- Hạch toán trong hệ thống quản lý
- Vị trí của hạch toán kế toán trong hệ thống thông tin quản lý
- Các loại hạch toán kế toán
- Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



## 1.1. Hạch toán trong hệ thống quản lý



- Hạch toán kế toán hình thành và phát triển gắn liền với sự phát sinh phát triển của nền sản xuất xã hội.
- Hạch toán kế toán với bản chất, chức năng là thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính trong các đơn vị và bằng hệ thống các phương pháp khoa học.
- Hạch toán kế toán hình thành và phát triển gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền kinh tế sản xuất hàng hoá.

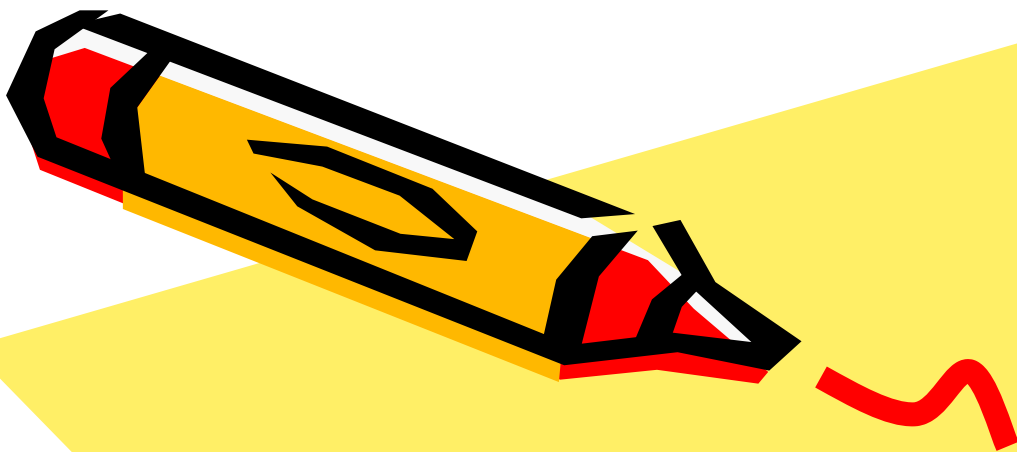


## 1.1. Hạch toán trong hệ thống quản lý



- Hạch toán là một hệ thống quan sát, đo lường, tính toán và ghi chép các quá trình kinh tế xã hội.
- Hạch toán kế toán là một môn khoa học phản ánh và giám đốc các mặt hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các đơn vị, các tổ chức kinh tế xã hội.
- Hạch toán kế toán sử dụng một hệ thống các phương pháp nghiên cứu đặc thù: phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.





## **1.2. Vị trí của hạch toán kế toán trong hệ thống thông tin quản lý**

*Hệ thống thông tin quản lý có ba loại hạch toán cơ bản:*

*Hạch toán nghiệp vụ*

*Hạch toán thống kê*

*Hạch toán kế toán*



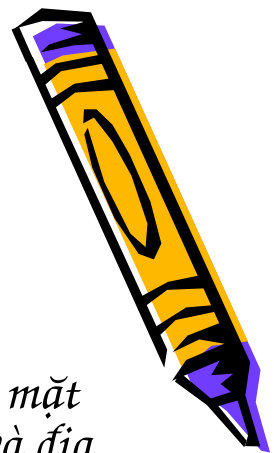
## a. Hạch toán nghiệp vụ

- Là phương pháp quan sát, phản ánh và giám đốc trực tiếp các nghiệp vụ kinh tế cụ thể như: Tình hình mua vào, dự trữ, bán ra, chi phí...
- Nghiên cứu trực tiếp, riêng biệt từng nghiệp vụ, từng quá trình kinh tế, kỹ thuật cụ thể khác nhau như tình hình sử dụng lao động, vật tư, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị, tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh...
- Sử dụng các phương pháp kỹ thuật nghiệp vụ đơn giản như báo cáo trực tiếp, báo cáo qua điện thoại, điện báo hay báo cáo bằng văn bản
- Sử dụng thước đo phù hợp với tính chất của thông tin thu nhận và cung cấp (thước đo hiện vật, thước đo lao động, thước đo tiền tệ).





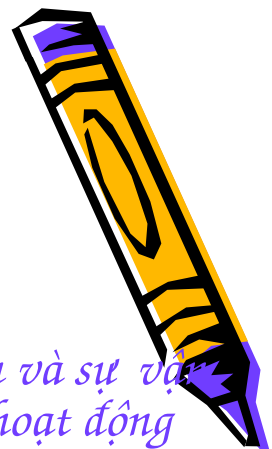
## b. Hạch toán thống kê



- Là môn khoa học nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể như tình hình năng suất lao động, giá trị tổng sản lượng, thu nhập quốc dân, tình hình giá cả, tình hình phát triển dân số...
- Nghiên cứu mối quan hệ lẫn nhau giữa các nhân tố tự nhiên, kỹ thuật với đời sống xã hội.
- Sử dụng các phương pháp khoa học như phương pháp điều tra thống kê, phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp chữ số... với những thước đo hiện vật, lao động, tiền tệ.
- Tổng hợp những đặc tính chung để rút ra bản chất và tính qui luật phát triển của các sự vật.



## c. Hạch toán kế toán



- Là môn khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản và sự vận động của tài sản trong các đơn vị nhằm kiểm tra toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính của đơn vị.
- Nghiên cứu toàn bộ tài sản, sự vận động của tài sản trong các đơn vị, nghiên cứu toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính xảy ra trong quá trình hoạt động của các đơn vị
- Sử dụng hệ thống các phương pháp khoa học như phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán. Hạch toán kế toán sử dụng các thước đo: hiện vật, lao động và tiền tệ.
- Phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả các loại vật tư tiền vốn và mọi hoạt động kinh tế.



## Tóm lại



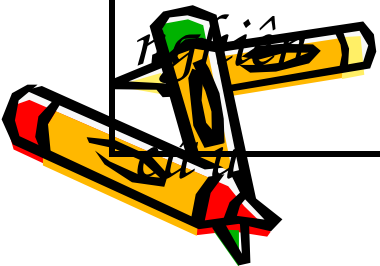
- Ba loại hạch toán có nội dung nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu riêng nhưng chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau để hình thành 1 hệ thống hạch toán kinh tế hoàn chỉnh, nó cung cấp số liệu cho nhau trên cơ sở của chế độ hạch toán ban đầu.



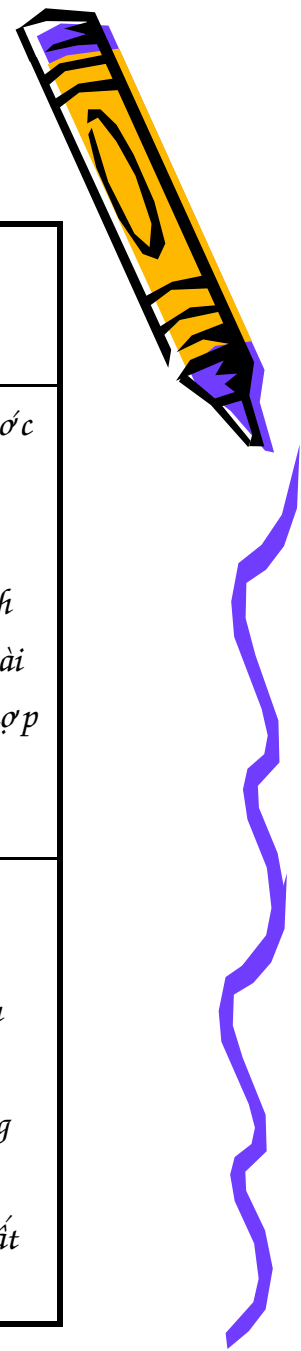
## Hạch toán trong hệ thống thông tin quản lý



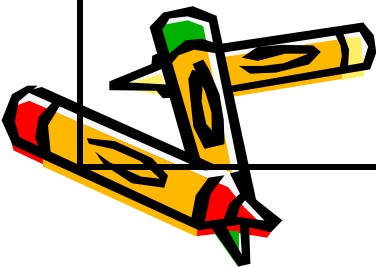
	<i>Hạch toán nghiệp vụ</i>	<i>Hạch toán thống kê</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
<i>Khái niệm</i>	Là sự quan sát, phản ánh và giám đốc trực tiếp từng nghiệp vụ kinh tế kỹ thuật.	Là môn khoa học nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.	Là môn khoa học phản ánh và giám đốc các quá trình, hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các đơn vị, các tổ chức kinh tế xã hội.
<i>Đối tượng</i>	Các nghiệp vụ kinh tế kỹ thuật cụ thể (tiến độ thực hiện cung cấp, sản xuất, tiêu thụ, tình hình và biến động các yếu tố trong quá trình tái sản xuất)	Các hiện tượng kinh tế xã hội số lớn (dân số...)	Các hoạt động kinh tế, tài chính: biến động về tài sản, nguồn vốn, chu chuyển tiền...



# Hạch toán trong hệ thống thông tin quản lý



	Hạch toán nghiệp vụ	Hạch toán thống kê	Hạch toán kế toán
Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sử dụng cả 3 loại thước đo, không chuyên sâu vào thước đo nào.</li><li>- Phương tiện thu thập và truyền tin đơn giản: chữ ng từ ban đầu, điện thoại, điện báo, truyền miệng...</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sử dụng cả 3 loại thước đo, không dùng chủ yếu một thước đo nào.</li><li>- Các phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin: điều tra thống kê, phân tở, chỉ số...</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sử dụng cả 3 loại thước đo như ng chủ yếu là thước đo giá trị.</li><li>- Các phương pháp kinh tế: chữ ng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối kế toán.</li></ul>
Đặc điểm thông tin	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là như ng thông tin dùng cho lãnh đạo nghiệp vụ kỹ thuật nên thông tin nghiệp vụ thu đ ng không phản ánh một cách toàn diện và rõ nét về sự vật, hiện tượng, các quá trình kinh tế kỹ thuật.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Biểu hiện bằng các số liệu cụ thể</li><li>- Thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau</li><li>- Mang tính tổng hợp cao, đã qua phân tích, xử lý</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tin kế toán là thông tin động về tuần hoàn của tài sản, phản ánh một cách toàn diện nhất tình hình biến động của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.</li></ul>

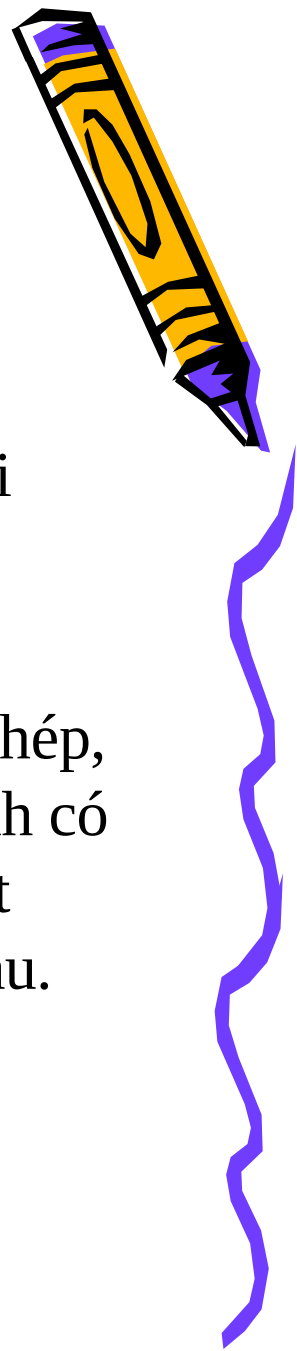


## 1.3. Các loại hạch toán kế toán

- Căn cứ vào cách ghi chép, thu nhận thông tin: *kế toán đơn và kế toán kép.*
- Căn cứ vào mức độ, tính chất thông tin được xử lý: *kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết*
- Căn cứ vào phạm vi thông tin kế toán cung cấp và đối tượng nhận thông tin: *kế toán tài chính và kế toán quản trị.*
- Căn cứ vào đặc điểm và mục đích hoạt động của đơn vị tiến hành hạch toán kế toán: *kế toán công và kế toán doanh nghiệp*



## 1.3. Các loại hạch toán kế toán



- **Kế toán đơn:** là loại hạch toán kế toán mà cách ghi chép, thu nhận thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính được tiến hành một cách riêng biệt, độc lập.
- **Kế toán kép:** là loại hạch toán kế toán mà cách ghi chép, thu nhận thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính có liên quan đến tài sản của đơn vị ở mức độ tổng quát được tiến hành trong mối quan hệ mật thiết với nhau.



## 1.3. Các loại hạch toán kế toán



- *Kế toán tổng hợp*: là loại hạch toán kế toán mà thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính được hạch toán kế toán thu nhận, xử lý ở dạng tổng quát và được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ.
- *Kế toán chi tiết*: là loại hạch toán kế toán mà thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính được hạch toán kế toán thu nhận, xử lý ở dạng chi tiết, cụ thể và được biểu hiện không chỉ dưới hình thái tiền tệ mà còn được biểu hiện dưới hình thái hiện vật, lao động.





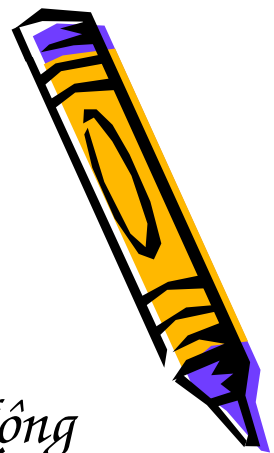
## 1.3. Các loại hạch toán kế toán



- **Kế toán tài chính:** thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính, được hạch toán kế toán thu nhận, xử lý với mục đích cung cấp thông tin đó chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài (các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị, cá nhân tài trợ quan tâm đến hoạt động của đơn vị).
- **Kế toán quản trị:** thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính, được hạch toán kế toán thu nhận, xử lý với mục đích chủ yếu thỏa mãn nhu cầu thông tin của các nhà quản trị, làm cơ sở để ra các giải pháp, các quyết định hữu hiệu, đảm bảo quá trình hoạt động của đơn vị có hiệu quả cao trong hiện tại và tương lai.



## 1.3. Các loại hạch toán kế toán

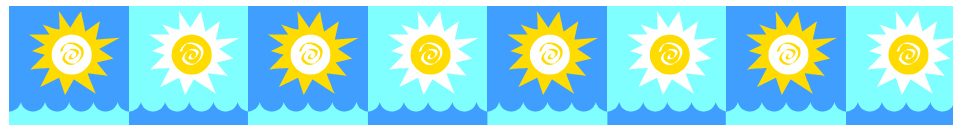


- **Kế toán công:** Được tiến hành ở những đơn vị hoạt động không có tính chất kinh doanh, không lấy doanh lợi làm mục đích hoạt động. Mục tiêu chính của đơn vị này là hoạt động phục vụ cộng đồng, vì sự an ninh của xã hội.
- **Kế toán doanh nghiệp:** Được tiến hành ở các doanh nghiệp hoạt động với mục tiêu chính là kinh doanh sinh lời. Tuy nhiên loại hạch toán này cũng được tiến hành ở một số doanh nghiệp hoạt động không vì mục đích sinh lời mà chủ yếu hoạt động phục vụ cộng đồng.

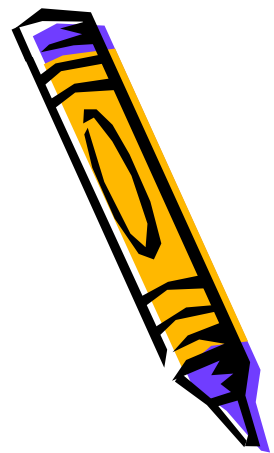


## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận

- 1. Đơn vị kế toán
- 2. Giả định về sự hoạt động liên tục của đơn vị kế toán
- 3. Giả định thước đo giá trị thống nhất
- 4. Kỳ kế toán
- 5. Nguyên tắc khách quan
- 6. Nguyên tắc giá phí
- 7. Nguyên tắc doanh thu thực hiện
- 8. Nguyên tắc phù hợp
- 9. Nguyên tắc nhất quán
- 10. Nguyên tắc công khai
- 11. Nguyên tắc thận trọng
- 12. Nguyên tắc trọng yếu



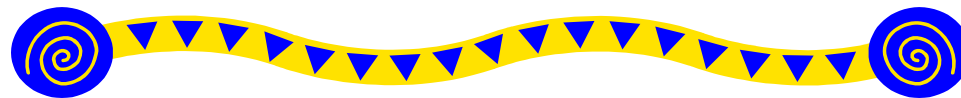
## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



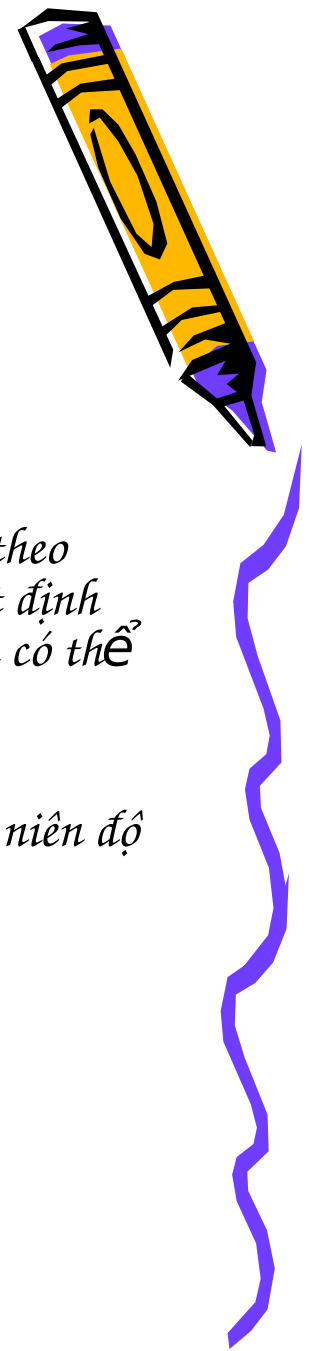
- **1. Đơn vị kế toán**
- Cần có sự độc lập về mặt kế toán, tài chính giữa một đơn vị kế toán với chủ sở hữu của nó và với các đơn vị kế toán khác.
- Đơn vị kế toán phải lập báo cáo kế toán theo quy định.

- **2. Giả định về sự hoạt động liên tục của đơn vị kế toán**

Giả định doanh nghiệp hoạt động liên tục, vô thời hạn hoặc không bị giải thể trong tương lai gần là điều kiện cơ bản để có thể áp dụng các nguyên tắc, chính sách kế toán.



## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



### • 3. Giả định thước đo giá trị thống nhất

- Sử dụng thước đo giá trị (thước đo tiền tệ) làm đơn vị thống nhất trong ghi chép và tính toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tiền tệ được sử dụng như một thước đo cơ bản và thống nhất trong tất cả báo cáo tài chính.

### • 4. Kỳ kế toán

- Báo cáo tài chính được lập theo từng khoảng thời gian nhất định gọi là kỳ kế toán. Kỳ kế toán có thể tháng, quý, năm.
- Kỳ kế toán năm được gọi là niên độ kế toán.



## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



- **5. Nguyên tắc khách quan**

- Số liệu đo kế toán cung cấp phải mang tính khách quan và có thể kiểm tra được, thông tin kế toán cần không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ các định kiến chủ quan nào.



- **6. Nguyên tắc giá phí**
- Việc tính toán giá trị tài sản, công nợ, vốn, doanh thu, chi phí phải dựa trên giá trị thực tế mà không quan tâm đến giá thị trường.





## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận

### • 7. Nguyên tắc doanh thu thực hiện

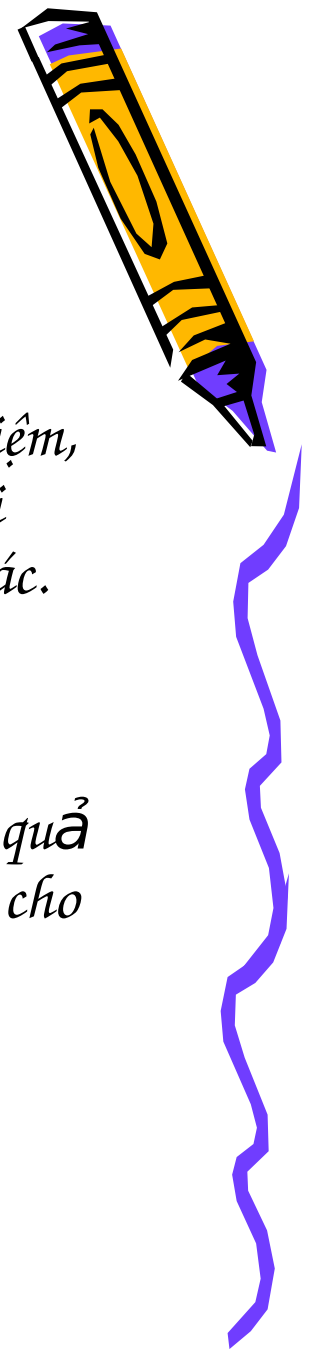
- *Doanh thu phải được xác định bằng số tiền thực tế thu được và được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hóa bán ra được chuyển giao và khi các dịch vụ được thực hiện.*

### • 8. Nguyên tắc phù hợp

- *Tất cả các chi phí phát sinh để tạo ra doanh thu ở kỳ nào cũng phải phù hợp với doanh thu được ghi nhận của kỳ đó và ngược lại.*



## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



- **9. Nguyên tắc nhất quán**

- Trong quá trình kế toán, các chính sách kế toán, khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực và các phương pháp tính toán phải được thực hiện trên cơ sở nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác.

- **10. Nguyên tắc công khai**

- Tất cả tư liệu liên quan đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán phải được thông báo đầy đủ cho người sử dụng.





## 1.4. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận



### • 11. Nguyên tắc thận trọng

- Thông tin kế toán được cung cấp cho người sử dụng cần đảm bảo sự thận trọng thích đáng để người sử dụng không hiểu sai hoặc không đánh giá quá lạc quan về tình hình tài chính của đơn vị.

### • 12. Nguyên tắc trọng yếu

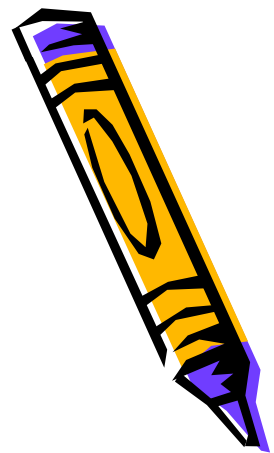
- Chỉ chú trọng những vấn đề mang tính trọng yếu, quyết định bản chất và nội dung của sự vật, không quan tâm tới những yếu tố ít tác dụng trong báo cáo tài chính.



## Chương II

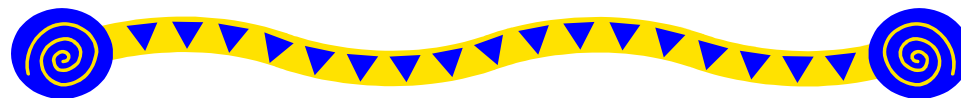
# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

- 2.1. Khái quát chung về đối tượng của hạch toán kế toán
- 2.2. Tài sản và nguồn hình thành tài sản
- 2.3. Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn
- 2.3. Sự tuần hoàn của vốn kinh doanh
- 2.4. Khái quát chung về hệ thống phương pháp hạch toán kế toán



## 2.1. Khái quát chung về đối tượng của hạch toán kế toán

- Đối tượng chung
- Đối tượng cụ thể

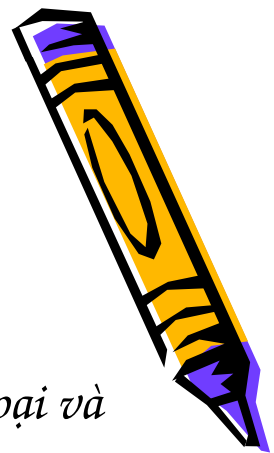


## 2.1.1. Đối tượng chung

- Đối tượng chung của kế toán xác định là một nội dung của quá trình tái sản xuất xã hội.
- Đó là tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính nảy sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị hay là tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình tái sản xuất xã hội.
- Hay nói cách khác, đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán là tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động của đơn vị..



## 2.1.2. Đối tượng cụ thể



- Tài sản và vốn kinh doanh trong đơn vị sản xuất kinh doanh có nhiều loại và chúng được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau.
- Tài sản và nguồn vốn kinh doanh là hai mặt biểu hiện khác nhau của cùng một lượng tài sản.
- Khi sử dụng tài sản trong sản xuất - kinh doanh thì chúng sẽ biến động, sự biến động của tài sản cũng sẽ gây nên sự biến động của cả hai mặt biểu hiện chúng.
- Do đó, đối tượng cụ thể của kế toán có thể nói là : tài sản - nguồn hình thành tài sản và sự biến động của chúng trong sản xuất – kinh doanh.



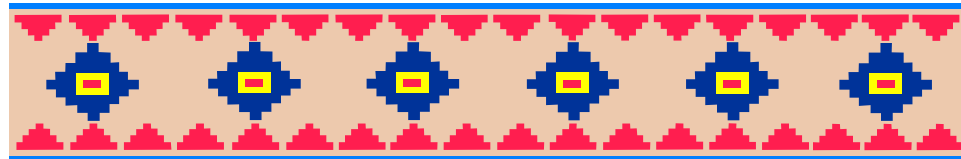
## **2.2. Tài sản và nguồn hình thành tài sản**



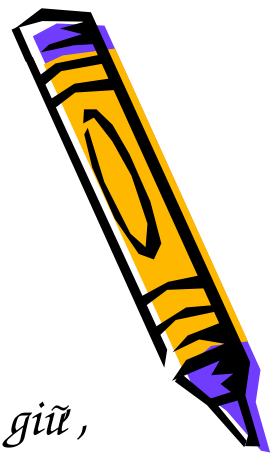
- **2.2.1. Tài sản**

- **2.2.1.1. Khái niệm tài sản**

- **2.1.1.2. Phân loại tài sản**



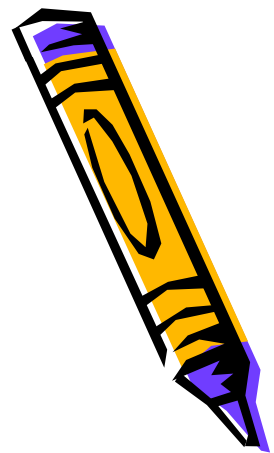
## 2.2.1.1. Khái niệm tài sản



- Tài sản là tất cả những nguồn lực kinh tế mà đơn vị kế toán đang nắm giữ, sử dụng cho hoạt động của đơn vị, thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
  - - Đơn vị có quyền sở hữu hoặc kiểm soát và sử dụng trong thời gian dài
  - - Có giá trị xác định
  - - Chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai từ việc sử dụng các nguồn lực này

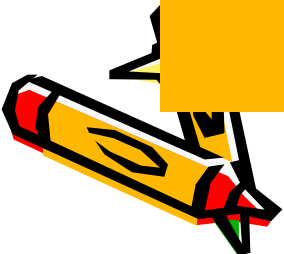


## 2.1.1.2. Phân loại tài sản



- **Tài sản ngắn hạn:** là những tài sản thuộc quyền sở hữu của đơn vị, có thời gian đầu tư, sử dụng và thu hồi trong vòng 1 năm.

- **Tài sản dài hạn:** là những tài sản được đầu tư, có thời gian sử dụng và thu hồi trên 1 năm.





# Tài sản ngắn hạn



*Tiền*



*Ưu tư tài chính ngắn hạn*

*Khoản phải thu ngắn hạn*

*Trung tồn kho*

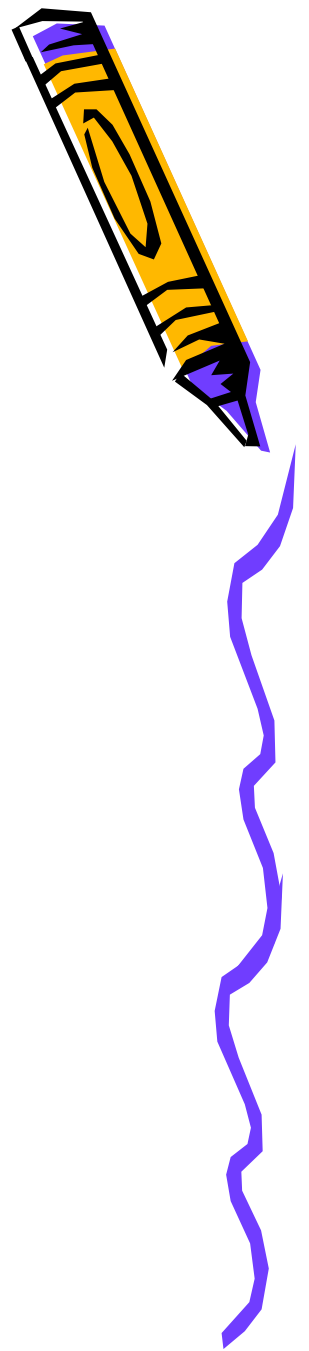
*Tài sản ngắn hạn khác*



# Tài sản dài hạn

- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Các khoản phải thu dài hạn
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dài hạn khác





## **2.2.2. Nguồn hình thành tài sản (nguồn vốn)**

- **2.2.2.1. Khái niệm nguồn vốn**
- **2.2.2.2. Phân loại nguồn vốn**



## 2.2.2.1. Khái niệm nguồn vốn

- Nguồn vốn là những quan hệ tài chính mà thông qua đó đơn vị có thể khai thác hay huy động một số tiền nhất định để đầu tư tài sản.
- Nguồn vốn cho biết tài sản của đơn vị do đâu mà có và đơn vị phải có trách nhiệm kinh tế, pháp lý đối với tài sản của mình.



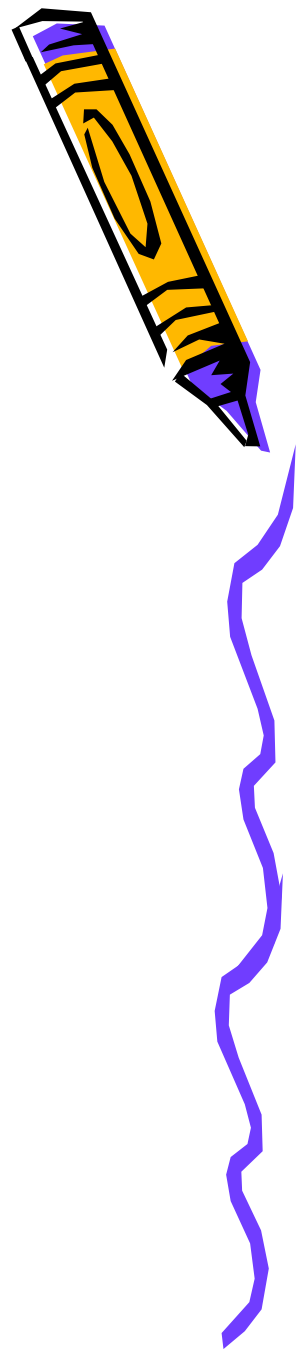


## *2.2.2.2. Phân loại nguồn vốn*

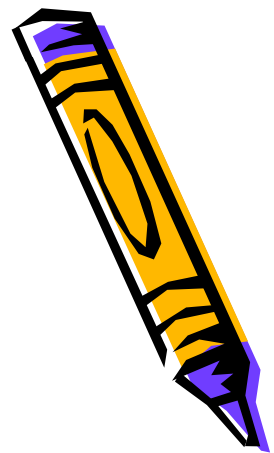
- Nguồn vốn chủ sở hữu*
- Nợ phải trả*

# *Nguồn vốn CHỦ SỞ HỮU*

- *Vốn góp*
- *Lợi nhuận chưa phân phối*
- *Vốn CHỦ SỞ HỮU khác*



# Nợ phải trả



- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn



## 2.3. Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

- Tài sản và nguồn vốn là hai khái niệm riêng biệt, độc lập với nhau và cân bằng về lượng
- Tài sản và nguồn vốn luôn vận động theo mỗi giai đoạn cụ thể và khép kín sau mỗi chu kỳ nhất định.





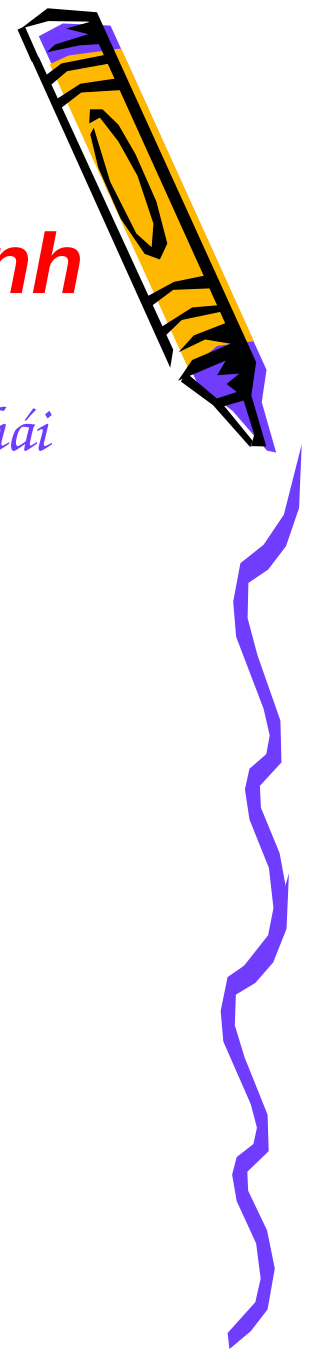
## 2.3. Sự tuần hoàn của vốn kinh doanh



- *Giai đoạn mua ( cung cấp )*: vốn được chuyển hoá từ hình thái (vật chất) tiền tệ sang hình thái hàng hoá (vật tư)
- *Giai đoạn dự trữ*: Vốn dự trữ hàng hoá không thay đổi hình thái chỉ biến động (tăng, giảm) do hoạt động nhập, xuất hàng hoá hoặc biến động do thay đổi giá cả.
- *Giai đoạn bán hàng ( tiêu thụ )*: vốn được chuyển hoá từ hình thái hàng hoá sang hình thái tiền tệ.



## 2.3. Sự tuần hoàn của vốn kinh doanh



- Qua mỗi một giai đoạn vận động, vốn thay đổi cả về hình thái hiện vật lẫn giá trị. Sự vận động của vốn đư ợc thể hiện:
- DN sản xuất:  $T H S X H' T'$
- Kinh doanh thương mại:  $T H T'$
- Kinh doanh tiền tệ tín dụng:  $T T'$

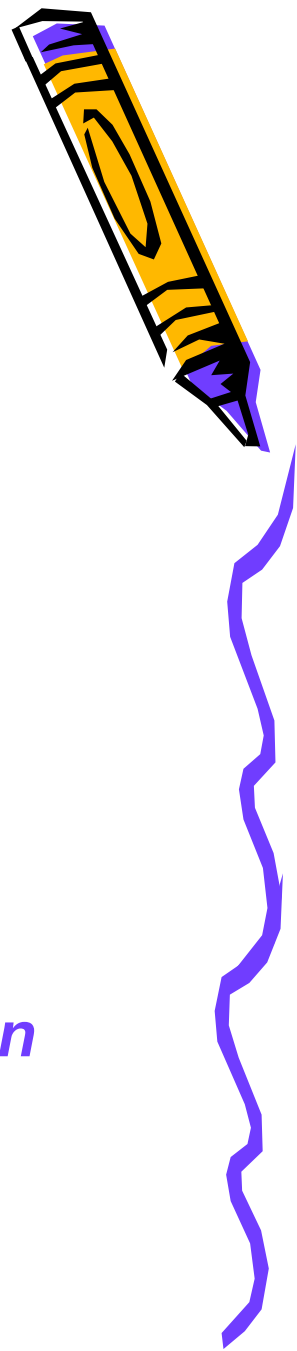


# Tóm lại



- Các giai đoạn vận động của vốn sẽ khác nhau với lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Số lượng các giai đoạn cũng như thời gian vận động của mỗi giai đoạn có thể khác nhau.
- Các lĩnh vực kinh doanh đều giống nhau ở điểm: vốn hoạt động ban đầu biểu hiện ở hình thái giá trị và kết thúc thu được vốn cũng đều ở hình thái giá trị.
- Một giai đoạn vận động đều có 3 chỉ tiêu cần được kế toán phản ánh, đó là chi phí, thu nhập và kết quả hoạt động





## ***2.4. Khái quát chung về hệ thống phương pháp hạch toán kế toán***

- 2.4.1. Phương pháp chứng từ***
- 2.4.2. Phương pháp tính giá***
- 2.4.3. Phương pháp đối ứng tài khoản***
- 2.4.4. Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán***



# Ví dụ

Tình hình vốn kinh doanh của một doanh nghiệp vào ngày 1/1/N như sau (đơn vị tính: 1.000đ)



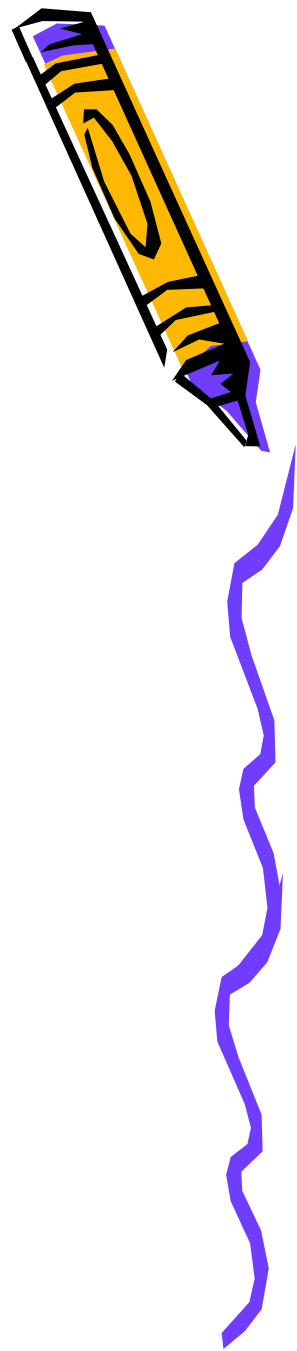
- Nguyên vật liệu tồn kho	200.000	- Tài sản cố định hữu hình	800.000
- Tiền quỹ tiền mặt	50.000	- Tài sản cố định vô hình	150.000
- Tiền gửi ngân hàng	100.000	- Lợi nhuận chưa phân phối	55.000
- Phải trả người bán	60.000	- Vay ngắn hạn	120.000
- Thành phẩm tồn kho	100.000	- Phải thu người mua	75.000
- Sản phẩm đang chế tạo	20.000	- ứ nợ trước cho người bán	40.000
- Phải thu tạm ứ nợ	10.000	- Người mua ứ nợ trước	30.000
- Nguồn vốn kinh doanh	1.200.000	- Hàng gửi bán	35.000
- Quỹ đầu tư phát triển	65.000	- Phải trả cho công nhân viên	50.000



1. Hãy phân loại tài sản, nguồn vốn
2. Tính tổng tài sản, tổng nguồn vốn

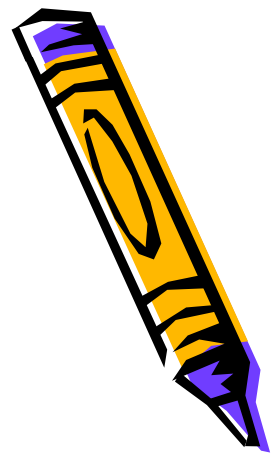
# Chương III

## PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN



- 3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ
- 3.2. HỆ THỐNG BẢN CHỨNG TỪ
- 3.3. LUẬN CHUYỂN CHỨNG TỪ





### *3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ*

- 3.1.1. Cơ sở hình thành*
- 3.1.2. Ý nghĩa của phương pháp chứng từ*
- 3.1.3. Nội dung của phương pháp chứng từ*



## 3.1.1. Cơ sở hình thành



- Trong quá trình hoạt động thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị đã diễn ra thường xuyên các hoạt động kinh tế tài chính khác nhau ở những địa điểm và thời gian khác nhau.
- Những hoạt động kinh tế tài chính này đã gây nên sự biến động, thay đổi về phạm vi, quy mô và hình thái của tài sản trong đơn vị.
- Để phục vụ việc điều hành và quản lý có hiệu quả các hoạt động trong đơn vị, thực hiện tính toán kinh tế, kiểm tra việc bảo vệ, sử dụng tài sản, kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính, hạch toán kế toán đã xây dựng những phương pháp khoa học trong đó có phương pháp chứng từ kế toán.

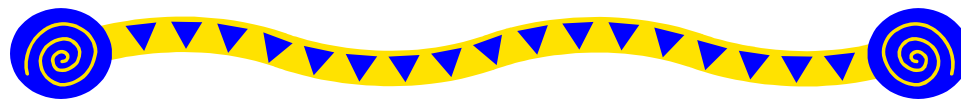




## 3.1.2. Ý nghĩa của phương pháp chứng từ

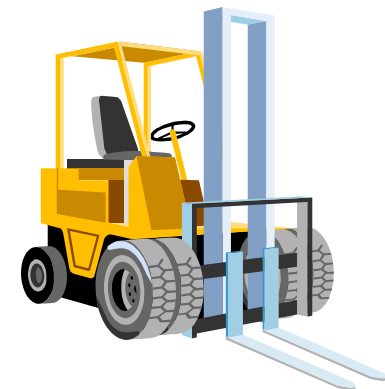


- Thích ứng với tính đa dạng và biến động liên tục của đối tượng hạch toán kế toán, có khả năng theo sát từng nghiệp vụ, sao chụp nguyên hình các nghiệp vụ đó trên các bản chứng từ để làm cơ sở cho công tác hạch toán kế toán, xử lý thông tin từ các nghiệp vụ đó.
- Là phương tiện thông tin hỗ trợ phục vụ công tác lãnh đạo nghiệp vụ ở đơn vị hạch toán và phân tích kinh tế.
- Theo sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (về quy mô, thời gian, địa điểm, trách nhiệm vật chất của các đối tượng có liên quan).



## 3.1.2. Ý nghĩa của phương pháp chứng từ

- Ý nghĩa của phương pháp chứng từ còn được thể hiện qua tính pháp lý của chứng từ kế toán.
- Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý cho mọi số liệu, tài liệu kế toán.
- Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ kinh tế tài chính.
- Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý cho việc giải quyết mọi sự tranh chấp, khiếu tố về kinh tế, tài chính, thực hiện kiểm tra kinh tế, kiểm tra kế toán trong đơn vị.



### 3.1.3. Nội dung phương pháp chứng từ



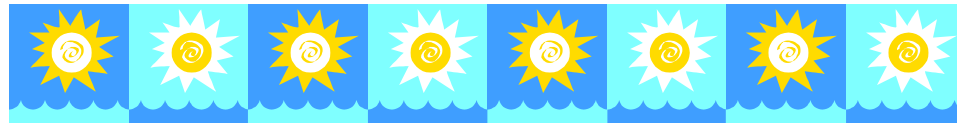
- Phương pháp chứng từ kế toán là phương pháp thông tin và kiểm tra sự phát sinh và hoàn thành của các nghiệp vụ kinh tế, qua đó thông tin và kiểm tra về hình thái và sự biến động của tài sản đối tượng kế toán cụ thể.
- Phương pháp chứng từ được cấu thành bởi hai yếu tố:
- Hệ thống bản chứng từ kế toán
- Kế hoạch luân chuyển chứng từ



## **3.2. HỆ THỐNG BẢN CHỨNG TỪ**



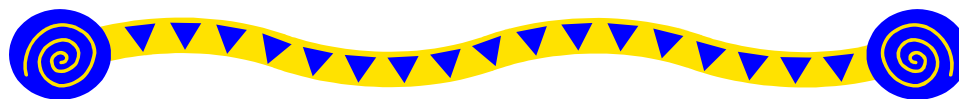
- **3.2.1. Khái niệm và các yếu tố của bản chứng từ**
- **3.2.2. Phân loại chứng từ kế toán**



## 3.2.1. Khái niệm và các yếu tố của bản chứng từ



- Chứng từ là phương tiện chứng minh bằng giấy tờ về sự phát sinh và hoàn thành của nghiệp vụ kinh tế tài chính tại một hoàn cảnh (không gian, thời gian) nhất định.
- Hay nói cách khác, chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.
- Bản chứng từ là chứng minh về tính hợp pháp đồng thời là phương tiện thông tin về kết quả của nghiệp vụ kinh tế.



### **3.2.1. Khái niệm và các yếu tố của bản chứng từ**



- Nội dung của một bản chứng từ gồm hai yếu tố:
- Yếu tố cơ bản
- Yếu tố bổ sung



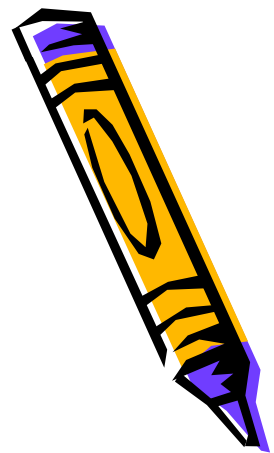
# Yếu tố cơ bản



- Các yếu tố cơ bản: là các yếu tố bắt buộc phải có trong tất cả các loại chứng từ, là căn cứ chủ yếu đảm bảo sự chứng minh về tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, là cơ sở để chứng từ thực hiện chức năng thông tin về kết quả các nghiệp vụ. Bao gồm:
  - Tên chứng từ
  - Tên, địa chỉ của đơn vị, cá nhân có liên quan đến nghiệp vụ
  - Ngày và số chứng từ
  - Nội dung kinh tế của nghiệp vụ
  - Quy mô nghiệp vụ về số lượng, giá trị
  - Tên, chữ ký của những người chịu trách nhiệm thi hành và phê duyệt nghiệp vụ



# Yếu tố bổ sung



- Các yếu tố bổ sung: là các yếu tố có vai trò thông tin thêm nhằm làm rõ các đặc điểm cá biệt của từng loại nghiệp vụ hay góp phần giảm nhẹ hoặc đơn giản hóa công tác kế toán.
- Các yếu tố bổ sung gồm: phương thức thanh toán, thời gian bảo hành, quan hệ của chủ nợ từ đến các loại sổ sách kế toán, tài khoản....





## 3.2.2. Phân loại chứng từ kế toán

- Theo công dụng của chứng từ
- Theo địa điểm lập chứng từ
- Theo mức độ khái quát của chứng từ
- Theo số lần ghi trên chứng từ
- Theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ

• Theo tính cấp bách của nghiệp vụ



# Theo công dụng của chữ ng từ

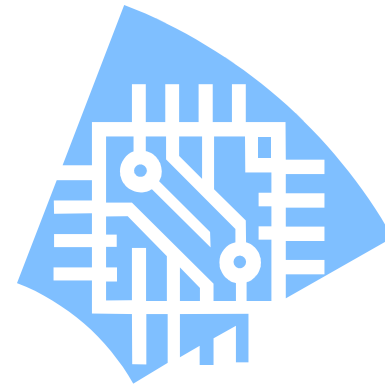


- Chữ ng từ mệnh lệnh: lệnh chi, lệnh xuất kho...
- Chữ ng từ thực hiện: phiếu chi, phiếu xuất kho, hóa đơn...
- Chữ ng từ thủ tục: chữ ng từ ghi số, bảng kê chữ ng từ ...
- Chữ ng từ liên hợp: lệnh kiêm phiếu xuất, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ...

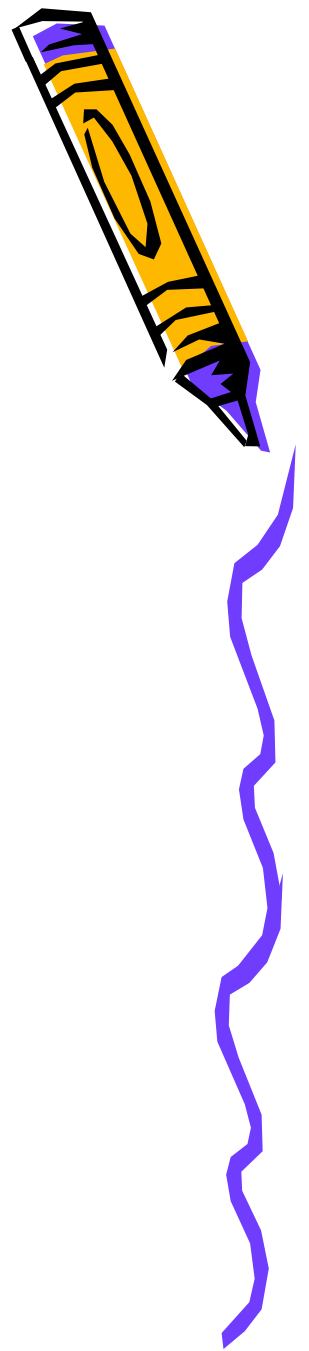


## Theo địa điểm lập chứng từ

- Chứng từ bên trong: bảng kê thanh toán lưu nội, biên bản kiểm kê, phiếu báo làm thêm giờ...
- Chứng từ bên ngoài: hóa đơn nhận từ người bán, các chứng từ ngân hàng...



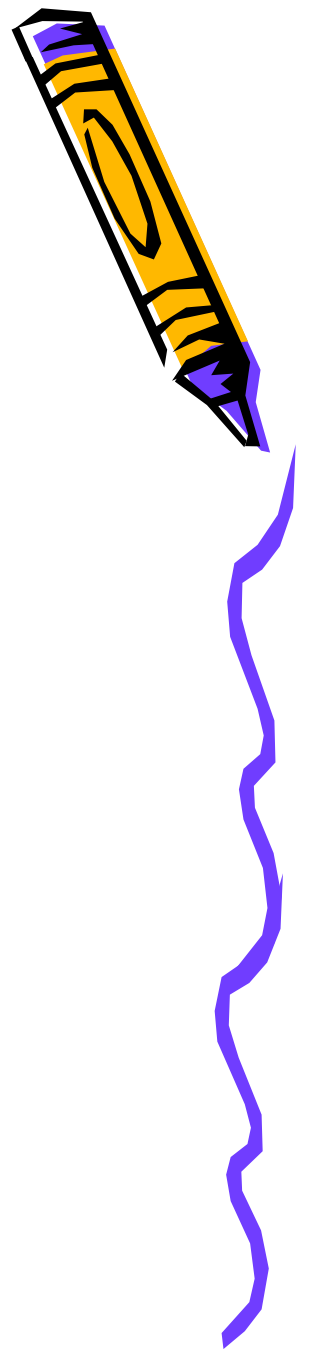
# Theo mức độ khái quát của chữ ng từ



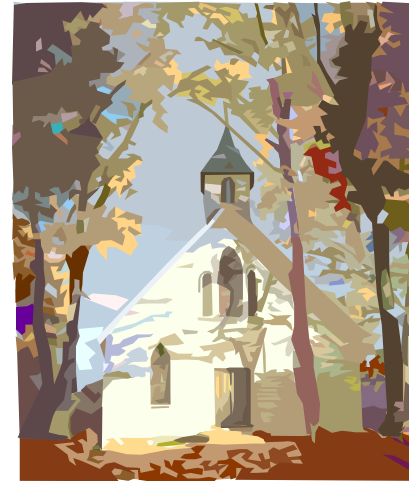
- Chữ ng từ ban đầu: chữ ng từ gốc, chữ ng từ trực tiếp.
- Chữ ng từ tổng hợp: bảng kê chữ ng từ gốc...



# Theo số lần ghi trên chữ ng từ



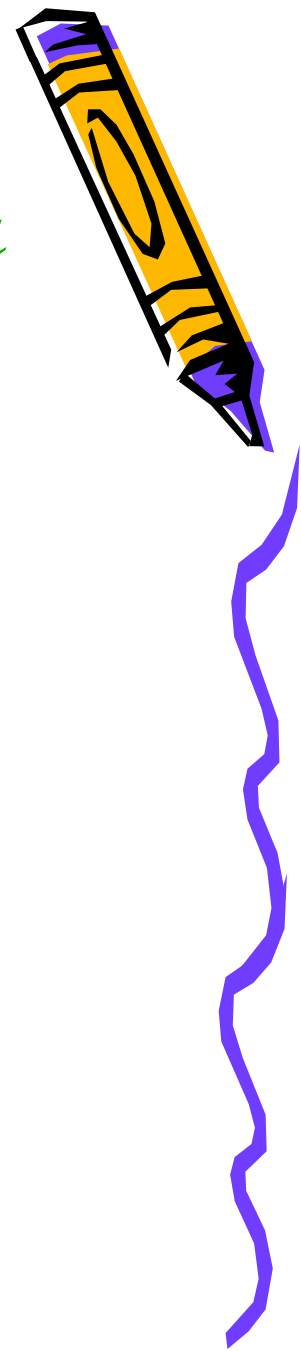
- Chữ ng từ ghi một lần
- Chữ ng từ ghi nhiều lần



# Theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ

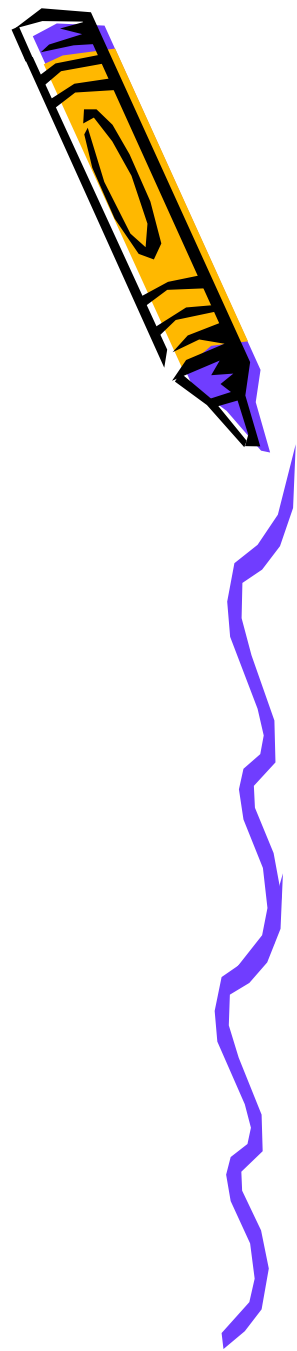
- Chứng từ về tiền
- Chứng từ về TSCĐ
- Chứng từ về lao động, tiền lương
- Chứng từ về vật tư
- Chứng từ về tiêu thụ

Chứng từ thanh toán với ngân sách



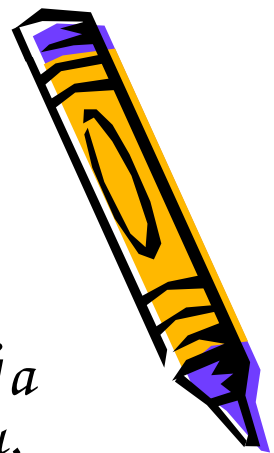
# Theo tính cấp bách của nghiệp vụ

- Chứng từ bình thường
- Chứng từ báo động



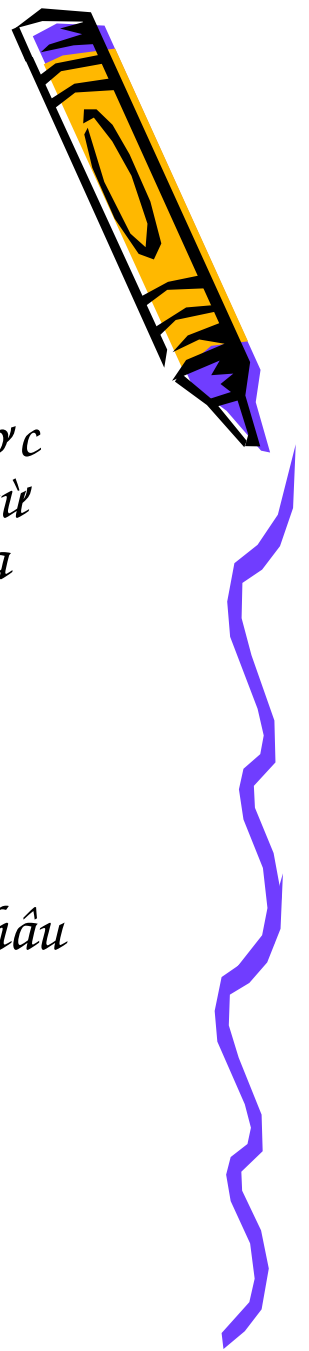
## 3.3. LUÂN CHUYỂN CHỮNG TỪ

- \* **Khái niệm:** Luân chuyển chứng từ là sự vận động của chứng từ từ giai đoạn này sang giai đoạn khác kế tiếp nhau.
- \* **Các giai đoạn của quá trình luân chuyển**
  - Lập chứng từ hoặc tiếp nhận chứng từ đã lập từ bên ngoài
  - Kiểm tra chứng từ về nội dung và hình thức
  - Sử dụng để ghi sổ, chỉ đạo nghiệp vụ
  - Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán
  - Lưu trữ chứng từ (theo thời gian quy định), hủy chứng từ (khi hết hạn lưu trữ)





## 3.3. LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



- **Kế hoạch luân chuyển chứng từ**
- *Khái niệm: Kế hoạch luân chuyển chứng từ là trình tự được thiết kế lập sẵn cho quá trình vận động của mỗi loại chứng từ nhằm phát huy đầy đủ chức năng thông tin và kiểm tra của chứng từ.*
- **Nội dung cơ bản**
- *Xác định các khâu vận động của chứng từ*
- *Xác định nội dung công việc và độ dài thời gian của từng khâu*
- *Xác định người chịu trách nhiệm trong từng khâu*



# Câu hỏi Đúng/Sai

- Chữ ng từ gốc của nghiệp vụ chỉ có duy nhất một liên.
- Ngày tháng của chữ ng từ và ngày tháng ghi số của chữ ng từ phải trùng khớp.
- Kế toán không nhất thiết phải ghi định khoản kế toán trên chữ ng từ.
- Chữ ng từ thủ tục kế toán không thể dùng để ghi số vì nó không phải chữ ng từ gốc.
- Chỉ có Bộ tài chính có đủ thẩm quyền để in các loại hóa đơn.
- Khi xuất hàng đem triển lãm, kế toán phải lập hóa đơn.
- Chữ ng từ mệnh lệnh không chữ ng minh được nghiệp vụ đã xảy ra.

